

NGÂN HÀNG VIỆT NAM TRONG “CƠN BÃO” KHỦNG HOẢNG VÀ NHỮNG VIỆC ĐANG CHỜ PHÍA TRƯỚC

TS. NGUYỄN ĐẠI LAI

Đối mặt với nền kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu năm 2009, ngành Ngân hàng Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn trong năm qua, nhưng vẫn cơ bản đạt được kết quả tốt với những thành công trên 3 phương diện: giữ vững vai trò huyết mạch của nền kinh tế; an toàn hệ thống cả về chính sách tiền tệ (CS TT), tỷ giá, và trong hoạt động cung ứng dịch vụ; tham gia chủ lực trong chiến dịch giải ngân tín dụng có hỗ trợ lãi suất của Chính phủ. Bước sang năm mới 2010, chắc chắn vẫn còn nhiều khó khăn phía trước, ngành ngân hàng cần phải đẩy mạnh thực hiện các giải pháp, đề xuất các chính sách để có thể tăng trưởng và phát triển, chúng tôi là huyết mạch lưu thông chủ chốt của nền kinh tế.

BỨC TRANH NGÀNH NGÂN HÀNG NĂM 2009

Mặc dù trong năm qua, nước Mỹ bị phá sản và đóng cửa gần 100 ngân hàng, châu Âu cũng có hàng chục nhà băng bị đóng cửa, nhưng hệ thống ngân hàng Việt Nam không những không có ngân hàng nào bị đóng cửa, mà còn ra đời hàng trăm chi nhánh, điểm dịch vụ ngân hàng mới. Toàn hệ thống vẫn hoạt động trong an toàn, vẫn đảm bảo là huyết mạch quan trọng nhất của nền kinh tế, đã thực thi cơ bản thành công CS TT chống suy thoái và chính sách hỗ trợ lãi suất, đã trực tiếp làm lan tỏa hơn 450 nghìn tỷ dư nợ tín dụng được hỗ trợ lãi suất của Chính phủ đến các đối tượng thụ hưởng, góp phần giúp cho rất nhiều doanh nghiệp và nhà sản xuất trụ vững để phát triển. CS TT và chính sách ngoại hối năm 2009 nói chung cũng đã chuyển mạnh từ các giải pháp chống lạm phát từ cuối năm 2008 sang các giải pháp chống suy thoái: Nói lỏng có kiểm soát CS TT và tỷ giá. Toàn ngành cũng đã thực thi chính sách kích thích kinh tế và kích cầu tiêu dùng thông qua việc trụ giữ lãi suất cho vay ở mức thấp

trong suốt thời gian dài. Thực tế là, ngay sau những động thái giảm mạnh lãi suất cơ bản xuống 7%/năm từ 1/2/2009 đã giữ ổn định trong 10 tháng liên tục đến 01/12/2009 để kích thích và chống suy giảm kinh tế, kéo theo mặt bằng lãi suất tín dụng hầu như cũng ít biến động trên danh nghĩa ở đầu ra. Tỷ giá sau một lần điều chỉnh biên độ từ +/- 3% lên +/- 5% từ ngày 24/3/2009, đến 25/11/2009 mới

điều chỉnh cả mức sàn lẫn biên độ làm phá giá nhẹ 3,5% giá trị đối ngoại sau khi đồng nội tệ đã mất giá so với đồng USD khoảng 6,8% từ 31/12/2008 đến ngày điều chỉnh 25/11/2009, trong khi vẫn giữ được giá trị đối nội của đồng nội tệ ổn định ở mức mất giá theo chỉ số CPI sau 12 tháng là 6,52%.

Thị trường tín dụng trong năm qua đã bị chi phối rất mạnh của một số thị trường vốn liên quan khác do vẫn được tung hoành vận động theo cơ chế thị trường và làm cho bức tranh về thị trường tài chính (TTTC) Việt Nam có những diễn biến ngoài sức chịu đựng của CS TT và chính sách tài khóa nói lỏng có kiểm soát của Chính phủ và của ngành ngân hàng: Trước hết đó là thị trường vàng, gần hết quý 1/2009, giá vàng trong nước còn thấp hơn giá vàng thế giới qui doi



khoảng từ 5 đến 7%. Nhiều doanh nghiệp có chức năng đã xuất khẩu vàng thu về được hơn 2 tỷ USD doanh số trong quý I/2009, làm cho kim ngạch xuất khẩu quý I/2009 đã xuất siêu xấp xỉ 2 tỷ USD, nhưng càng về sau quý I, giá vàng trong nước càng đuối kíp và vượt xa giá vàng thế giới do các hoạt động đầu cơ, phân tán vốn và găm giữ tạo ra. Đỉnh cao là ngày 13/11/2009, giá vàng trong nước lên tới 29,3 triệu đ/lượng, cao hơn giá thế giới tới 6,2%, sau khi giá vàng thế giới bị cú "sốc Dubai" ngày 11/11/2009 đã lên đến đỉnh của năm ở mức 1.226\$/ounce; Hai là, thị trường Bất động sản (BDS) nóng dần lên vào thời điểm giữa năm sau đó tăng chậm dần, "ấm lại", nhưng vẫn ở mức rất cao so với cấu có khả năng thanh toán thực; Ba là, thị trường chứng khoán (TTCK), dù đến thời điểm 2 tháng cuối năm có suy giảm khá sâu, nhưng nhìn toàn năm, TTCK vẫn tăng trưởng rất mạnh cả về lượng và giá trị vốn hóa. Các con số tăng trưởng đến cuối năm lần lượt là khoảng 45% về lượng và xấp xỉ 60% về chỉ số giá.

Đến hết quý II sang đầu quý III cho đến những ngày cuối năm 2009, toàn nền kinh tế dường như chỉ sôi động chủ yếu ở khu vực TTTC và khu vực BDS. Thực tế là, kinh tế Việt Nam trong năm 2009 đã giảm xuất khẩu 12%; FDI chảy vào giảm cả số đăng ký, cả tỷ lệ giải ngân so với 2008, với tổng giá trị giải ngân chỉ đạt được khoảng 8 tỷ USD, giảm 14% so với hơn 10 tỷ USD năm 2008; Riêng ODA vẫn giữ được và đạt mức khá với hơn 5 tỷ USD giải ngân trong năm 2009. Trong khi đó áp lực của dòng hàng hoá nhập vào cũng rất lớn đã nâng tỷ lệ nhập siêu lên tới hơn 17% so với kim ngạch xuất khẩu. Nhiều khó khăn từ nội bộ nền sản xuất cũng đã bộc lộ: Sức cầu hàng hoá rất yếu, chỉ tăng

18,5% so với tăng trưởng tín dụng tới gần 40% kéo theo qui mô sản xuất buộc phải co lại do thiếu thị trường tiêu thụ hơn là thiếu vốn sản xuất.

Kết quả là trong khi tổng đầu tư xã hội tăng rất mạnh, năm 2009 đã sử dụng tới 42,3% GDP, nhưng chỉ để tạo ra mức tăng trưởng 5,2% GDP, nghĩa là hệ số ICOR đã lên đến hơn 8 đồng cho mỗi đồng tăng trưởng. Trong bối cảnh đó, khi lãi suất ngân hàng tiếp tục duy trì thấp và đứng tương đối lâu, tiền trong túi người dân không dồi dào vì thiếu việc làm và độ phân hóa thu nhập trong doanh nghiệp rất cao, tiền đầu tư của Nhà nước và doanh nghiệp lại rất lớn... thì TTCK năm 2009 cùng với một số thị trường phi sản xuất vật chất khác như vàng, BDS, tài sản tài chính khác (ngoại tệ) đã trở thành những kênh đầu tư và đầu cơ hấp dẫn hơn! Các biểu hiện rất rõ trên mặt bằng giá các loại tài sản tài chính và BDS sau 12 tháng của năm 2009 cho thấy rõ: Giá Đô la tăng 10,7%/năm, giá vàng tăng 64,32% (bình quân 17 năm trước liền kề chỉ tăng 7,5%/năm), giá BDS tăng 12,6%, Vn-Index tăng khoảng 59%, trong khi CPI được kìm giữ ở mức 6,52%, lãi suất huy động bình quân chỉ ở mức 8,0%/năm, lãi suất cho vay hầu như ổn định xung quanh 10,5%/năm cho đến ngày 01/12 và một bộ phận khá lớn khách hàng vay được Nhà nước hỗ trợ 4% trong lãi suất đó, làm cho tốc độ tăng trưởng tín dụng đã tăng tốc khá cao, tới trên 37,5% so với 31/12/2008. Tuy nhiên các "căn hầm trú ẩn" của vốn không thể cứ nằm mãi trong TTTC và BDS, mà trước sau cũng phải "trình diện" ra thị trường hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng... Đó sẽ là độ trễ của áp lực lạm phát gần như đã được "hẹn trước" trong năm 2010 và có thể xa hơn nếu không chủ động nhận

điện và có giải pháp ứng phó sớm.

Đồng hành cùng những diễn biến phức tạp của thị trường và đón trước xu thế hồi phục của nền kinh tế, ngoài những hoạt động điều hành thị trường tiền tệ thông suốt, thị trường tín dụng lan tỏa có hiệu quả chính sách kích thích kinh tế, thị trường ngoại hối sùn sê và toàn ngành cơ bản an toàn..., thì từ cuối tháng 11/2009 Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã có một loạt quyết định về điều chỉnh lãi suất cơ bản, tỷ giá, cho nhập khẩu vàng và tiếp tục có các chính sách và hoạt động phối hợp chống găm giữ Đô la, can thiệp mạnh vào thị trường nội, ngoại tệ liên ngân hàng, kiểm soát tín dụng vào khu vực phi sản xuất hàng hóa, dịch vụ thông thường... Có thể nói những quyết sách mạnh tay của NHNN đã phản ánh đúng vai trò "đẫn dắt" thị trường của Nhà nước trước bối cảnh nền kinh tế giá trị (TTTC) dường như đã bị nóng lên khi mà nền kinh tế vật chất (sản xuất hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng) vẫn trong tình trạng nguội lạnh và cung còn ít gặp được cầu có khả năng thanh toán. Động thái này là phù hợp với diễn tiến trở lại theo cơ chế thị trường đã bị méo mó trước đó, làm cho các dòng vốn trên TTTC vận động đúng qui luật hơn và chủ động phòng chống bùng tái lạm phát.

GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN

Từ bức tranh tổng hợp về hoạt động ngân hàng năm 2009 và nhận diện những vấn đề đang đặt ra, bước sang năm mới 2010, ngành ngân hàng cần thực hiện một số giải pháp sau để phát triển các hoạt động ngân hàng và TTTC gắn với mô hình tái cơ cấu nền kinh tế:

Thứ nhất, nhanh chóng có những chính sách chủ động, linh hoạt, khơi thông cho các bình thông nhau giữa các kênh dẫn vốn trong TTTC bằng cách: Tăng

cường việc chuyển vai trò NHNN sang các hoạt động theo chức năng của Ngân hàng Trung ương (NHTW), có cơ chế từng bước tự do hóa lãi suất để thị trường tự điều chỉnh có kiểm soát đối với lãi suất huy động và lãi suất cho vay qua ngân hàng; Lấy việc kiểm soát giá trị sức mua đối nội của đồng nội tệ làm cơ sở để kiểm soát tỷ giá hối đoái.

Thứ hai, các NHTM cần chuyển hướng mạnh từ doanh thu dịch vụ truyền thống “vay để cho vay” sang tăng tỷ trọng các dịch vụ ngân hàng phi tín dụng hoặc “chạy tiếp sức” với TTCK qua nghiệp vụ tín dụng ngắn hạn thế chấp chứng khoán nợ. Tín dụng qua ngân hàng thương mại tiến tới chủ yếu chỉ là tín dụng ngắn hạn và dịch vụ phi tín dụng, từng bước độc lập hóa các nghiệp vụ hoạt động ngân hàng đầu tư, ngân hàng phát triển trong cấu thành hoạt động đa năng của một Định chế tài chính.

Thứ ba, các hoạt động thanh tra, giám sát và thu nợ đến kỳ đáo hạn phải coi là khối lượng công việc rất lớn, rất quan trọng không kém những hoạt động nỗ lực của toàn ngành đã thể hiện thắng lợi trong “chiến dịch” cho vay có hỗ trợ lãi suất của của Chính phủ suốt năm qua. Nhưng sau 31/12/2009 mới là thời điểm “đo lường” rủi ro nên phải hết sức thận trọng!

Thứ tư, sớm hoàn thiện hai Đạo luật về hoạt động ngân hàng theo hướng NHTW hóa NHNN, thương mại hóa hầu hết các hoạt động cung ứng dịch vụ ngân hàng và “điều kiện” hóa tính đặc thù trong sở hữu và hoạt động ngân hàng, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Thứ năm, sớm tham mưu đề xuất với Chính phủ đệ trình Quốc hội việc xóa bỏ cơ chế khống chế trần lãi suất trong tín dụng thị trường phải không vượt quá 150% lãi suất cơ bản mà thay vào đó là cơ chế sử dụng các lãi suất định

hướng của NHTW ở thị trường tái cấp vốn và thị trường liên ngân hàng để chi phối mặt bằng lãi suất trên thị trường tín dụng.

Thứ sáu, cần đề xuất với Chính phủ có ngay chính sách quyết liệt chống Đô la hóa. Theo kinh nghiệm ở nhiều nước ngay trong khu vực châu Á đều coi chính sách quản lý ngoại hối là chính sách của Nhà nước, độc lập tương đối với CS TT và Nhà nước giao cho NHTW điều hành chính sách này. Có thể thấy, Singapore, Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Hồng Kông... là những ví dụ điển hình trong rất nhiều những quốc gia, hay vùng đặc khu có nền kinh tế mở rất lớn (thậm chí độ mở tới trên 400% GDP như Singapore), dù bao gồm trên thị trường ngoại tệ của các quốc gia đó luôn có mặt hầu hết các loại đồng tiền có khả năng chuyển đổi nhưng không có hiện tượng “ngoại tệ hoá”. Ở những nền kinh tế này có chính sách quản lý ngoại hối hết sức nghiêm ngặt, theo đó, việc thanh toán hàng hoá dịch vụ nội địa hoàn toàn chi trả qua tài khoản và bằng đồng nội tệ. Các dòng lưu chuyển ngoại tệ chỉ được phép đi qua thị trường tiền tệ chứ tuyệt đối không được trực tiếp đi vào thị trường hàng hoá, dịch vụ phi tài chính trong nước... Việt Nam là một nền kinh tế cũng đã có độ mở rất lớn, đã lên tới ~ 160% GDP nên vấn đề quản lý ngoại hối cũng phải được coi là một trong những quốc sách lớn của Nhà nước. Theo đó, có thể coi những giải pháp sau đây là rất cần được vận dụng và nghiên cứu để từng bước thể chế hóa:

Triệt để chống hiện tượng Đô la hóa theo nguyên tắc trên lãnh thổ Việt Nam chỉ tiêu tiền Việt Nam.

Từng bước giảm quy mô, tiến tới hạn chế đến tối thiểu quy mô thị trường tiền gửi và tín dụng

ngoại tệ trong nước.

Khuyến khích phát triển ngày càng đa dạng thị trường ngoại tệ gồm đa dạng các ngoại tệ có khả năng chuyển đổi... đáp ứng các nhu cầu tiện ích về ngoại tệ trong kinh doanh, thanh toán quốc tế với tỷ giá nên ngày càng theo cơ chế thị trường. Từng bước nhất thể hóa tỷ giá trên toàn lãnh thổ, tiến tới chấm dứt tình trạng có 2 thị trường ngoại tệ: thị trường có tổ chức và không có tổ chức với 2 loại tỷ giá khác nhau.

Phát hành đều đặn trái phiếu ngoại tệ trong nước có bảo lãnh của Chính phủ để tạo hàng hoá và tính thanh khoản ngoại tệ tốt cho nền kinh tế.

Đa dạng hoá hình thức và cơ cấu dự trữ ngoại tệ Nhà nước, đồng thời tăng cường các nghiệp vụ hoán đổi và hiện đại hoá công nghệ thanh toán, đáp ứng tốt nhất, hợp lý nhất nhu cầu ngoại tệ trong thanh toán quốc tế...

Sớm thu về một đầu mối duy nhất quyền, chức năng quản lý và sử dụng hiệu quả theo nguyên tắc bảo tồn và phát triển Quỹ dự trữ ngoại hối Nhà nước, cũng như một đầu mối quản lý Nhà nước về kinh doanh vàng miếng, vàng thanh toán tại NHNN...

Tóm lại, cùng với nền kinh tế sau sóng gió của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, cũng như sau những vật lộn của nền kinh tế Việt Nam trong hơn một năm đi từ lạm phát cao 2008 sang suy thoái và thiên tai, dịch bệnh hoành hành dữ dội suốt năm 2009, Ngân hàng Việt Nam vẫn trụ vững, vẫn chứng tỏ được là huyết mạch lưu thông chủ chốt của kinh tế, vẫn an toàn, tăng trưởng và đồng thời cũng nhận diện được những bài học quý giá từ cả những mặt còn hạn chế lẫn bài học từ những thành tựu đã đạt được trong năm qua để kỳ vọng vào một năm mới thắng lợi lớn hơn. □